

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2938/CT-TTHT
V/v ưu đãi thuế TNDN, thuế TNCN.

Bình Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long.

Mã số thuế: 3800752325.

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thành,
huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Cục Thuế Bình Phước nhận được Công văn số 01/CV/PL2023 ngày 03/5/2023 của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long gửi đến Cục Thuế Bình Phước ngày 05/5/2023 hỏi về ưu đãi thuế TNDN và thuế TNCN. Vấn đề này, Cục Thuế Bình Phước có ý kiến trả lời như sau:

1. Về ưu đãi thuế TNDN:

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 15 quy định về thuế suất ưu đãi thuế TNDN như sau:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với:

a) Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, khu kinh tế, khu công nghệ cao được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Tại khoản 6 Điều 15 quy định về áp dụng thuế suất ưu đãi thuế TNDN như sau:

“6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 16 quy định về thời gian miễn, giảm thuế TNDN như sau:

“1. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

a) Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này”.

- Tại khoản 4 Điều 16 quy định áp dụng thời gian miễn, giảm thuế TNDN như sau:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư”.



Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 15 quy định về thuế suất ưu đãi thuế TNDN như sau:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, khu kinh tế, khu công nghệ cao kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Tại khoản 6 Điều 15 quy định về áp dụng thuế suất ưu đãi thuế TNDN như sau:

“6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 16 quy định về thời gian miễn, giảm thuế TNDN như sau:

“1. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này”.

- Tại khoản 4 Điều 16 quy định thời gian áp dụng miễn, giảm thuế TNDN như sau:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Khoản 1 Điều này được tính từ thời điểm được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Trường hợp, trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mới ngay kỳ tính thuế đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo”.

Căn cứ Phụ lục Địa bàn ưu đãi thuế TNDN ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ thì:

“Huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn”.

Lưu ý: Kể từ ngày 26/03/2021 Danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP chuyển sang áp dụng theo Danh mục ngành nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2.2, mục I, phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 quy định về điều kiện, nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế TNDN có quy định:

“2.2. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu”.

Căn cứ khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“5. Dự án đầu tư mới:

a) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP là:

- Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần thứ nhất từ ngày 01/01/2014 và phát sinh doanh thu của dự án đó từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ ngày 01/01/2014.

- Dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày 01/01/2014 nhưng đang trong quá trình đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu và được cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh từ ngày 01/01/2014 của dự án đó”.

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định:

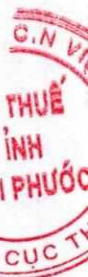
- Tại khoản 2 Điều 10 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“4. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư xác định ưu đãi như sau:

b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập nêu tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

...

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về địa bàn có phát sinh thu nhập ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư thì:



(i) Nếu khoản thu nhập này phát sinh tại địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện địa bàn.

(ii) Nếu khoản thu nhập này phát sinh tại địa bàn thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện địa bàn. Việc xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này được xác định theo từng địa bàn căn cứ theo thời gian và mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tại địa bàn thực hiện dự án đầu tư”.

- Tại khoản 3 Điều 10 sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“... ”

b) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện đầu tư mới không bao gồm các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư hình thành từ việc: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Dự án đầu tư hình thành từ việc chuyển đổi chủ sở hữu (bao gồm cả trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới nhưng vẫn kế thừa tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh; mua lại dự án đầu tư đang hoạt động).

Doanh nghiệp thành lập hoặc doanh nghiệp có dự án đầu tư từ việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được kế thừa các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư trước khi chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất trong thời gian còn lại nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long thành lập từ năm 2011 tại địa bàn thị xã Đồng Xoài (không thuộc địa bàn ưu đãi thuế TNDN) và chưa phát sinh doanh thu. Đến năm 2014 Công ty chuyển địa điểm đến huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước thuộc địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế việc đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, đối chiếu với các quy định nêu trên và các văn bản pháp luật khác có liên quan để áp dụng hưởng ưu đãi thuế TNDN đúng quy định.

2. Về thuế TNCN từ đầu tư vốn:

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 11 quy định về căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

“Điều 11. Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

1. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp

Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp là thu nhập tính thuế và thuế suất.

a) *Thu nhập tính thuế: thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng phần vốn góp được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn chuyển nhượng và các chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn*".

- Tại khoản 4 Điều 26 quy định về kê khai thuế quy định như sau:

"4. Khai thuế đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán)

a) *Cá nhân cư trú chuyển nhượng vốn góp thực hiện khai thuế theo từng lần chuyển nhượng không phân biệt có hay không phát sinh thu nhập*".

Căn cứ các quy định trên, trường hợp cá nhân của cá nhân có phát sinh hoạt động chuyển nhượng vốn thì thực hiện tính thuế theo căn cứ tại điểm a, khoản 1, Điều 11 và phải kê khai thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 4, Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

3. Về khấu trừ và quyết toán thuế TNCN từ tiền lương, tiền công:

Căn cứ điểm d.2 khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về ủy quyền quyết toán thuế TNCN từ tiền lương, tiền công như sau:

"d.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới theo quy định tại điểm d.1 khoản này thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này".

Căn cứ Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định về khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế TNCN:

- Tại điểm b khoản 1 quy định về khấu trừ thuế:

"b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

b.1) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ ba (03) tháng trở lên tại nhiều nơi.

b.2) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên nhưng nghỉ làm trước khi kết thúc hợp đồng lao động thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần’.

- Tại điểm a khoản 2 quy định về chứng từ khấu trừ thuế:

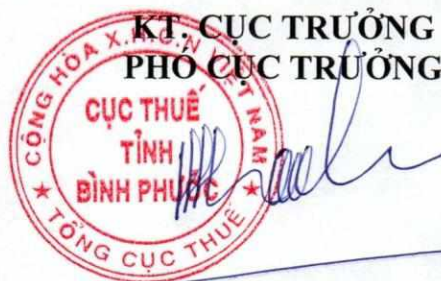
“a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ”.

Căn cứ quy định trên, cá nhân cư trú ký hợp đồng từ 03 tháng trở lên với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long từ tháng 04/2022 và thực tế làm việc tại công ty đến thời điểm quyết toán là 31/12/2022 và đồng thời có thu nhập từ nơi khác trong năm nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d.2 khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì thuộc trường hợp cá nhân tự quyết toán thuế TNCN. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long thực hiện khấu trừ thuế TNCN và cấp chứng từ khấu trừ theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC nêu trên.

Trên đây là nội dung trả lời Công văn số 01/CV/PL2023 ngày 03/5/2023 của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Long, Cục Thuế thông báo để công ty biết và thực hiện./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Đăng web;
- Phòng NV-DT-PC;
- Lưu: VT, TTHT.



Nguyễn Xuân Thành